TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2022
"Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phước Thị Kim Huê
2. Bà Trần Thị Tím

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng P, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 211C, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Lai Chí H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: K1, thị trấn T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Hồng P trình bày: Năm 2009 sau một thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên cho phép kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cải với nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn, ông H ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con. Hiện nay bà và ông H không còn sống chung với nhau đã 8 năm, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, cuộc sống

hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn, do đó bà P yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Tên Lai Chí N, sinh ngày 31/8/2011, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Lai Chí H: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cho ông H để đến Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc bà Võ Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng ông H cố tình vắng mặt không có lý do. Như thế, ông H không muốn tạo điều kiện hàn gắn với bà P và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời ông Hiệp cũng không đến Tòa án làm việc để Tòa án ghi nhận ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Nguyện vọng của cháu Lai Chí N, có nguyện vọng chung sống với bà P.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử là vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Võ Thị Hồng P có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thị Hồng P. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lai Chí H để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ

nhưng ông Lai Chí H vẫn cố tình vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lai Chí H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng P và ông Lai Chí H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường cự cải với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân 08 năm, hai bên có tạo điều kiện để hàn gắn nhưng không thành. Đối với ông H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu ông H có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P nhưng ông H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó, cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn quan hệ với bà P; bà P xác định cuộc sống hôn nhân của bà và ông H là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P cho bà P được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Lai Chí N, sinh ngày 31/8/2011, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông Hiệp phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của cháu Lai Chí N, có nguyện vọng chung sống với bà P và bà P cũng có nguyện vọng nuôi con chung, Hội đồng xét xử cần tuyên giao con chung tên Lai Chí N cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Hồng P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Hồng P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Hồng P, cho bà Võ Thị Hồng P được ly hôn với ông Lai Chí H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lai Chí N, sinh ngày 31/8/2011 cho bà Võ Thị Hồng P tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lai Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà Võ Thị Hồng P đã nộp tại biên lai số 0009819 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
-UBND xã T, thành phố V;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phước Thị Kim Huê – Trần Thị Tím **Sơn Thị Sô Tha**